



CÔNG TY CỔ PHẦN BV LAND

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BV Land (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần BV Land (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102983609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/10/2008.

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0102983609, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 08/09/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại: 92 Phố Trúc Khê, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Tạ Hoài Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tân Thành	Thành viên
Ông Lý Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Lê Huy Giang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Phạm Trí Thành	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Nguyễn Vũ Thiện	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Phạm Trọng Bình	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lý Tuấn Anh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Vũ Thiện	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lưu Vũ Trường Đạm	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)
Bà Vũ Thị Hà	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	Thành viên
Bà Vũ Thị Thu Hương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/04/2023)
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 21/04/2023)

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 và tình hình tài chính kết thúc cùng ngày được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/6/2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

7. Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 06 đến trang 33, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



LÝ TUẤN ANH

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2023





Số: 032/2023/BCSX-HT.00170

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần BV Land

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần BV Land (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2023, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 30/3/2023.

Vấn đề khác (tiếp theo)

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến 30/6/2022 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên và Doanh nghiệp kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 11/8/2022.



PHẠM QUANG KHÀI

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận Đăng ký hành nghề

Kiểm toán số 4018-2022-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHANH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

795
NG
TNH
M T
VIỆ
II N
TH
H -

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		108.756.017.242	175.817.580.225
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.01	18.419.853.740	6.980.543.840
1. Tiền	111		169.853.740	930.543.840
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.250.000.000	6.050.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	60.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.02	-	60.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		81.523.443.800	100.461.504.736
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.03	41.486.180.245	80.311.320.314
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.04	755.918.001	431.559.001
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.05	39.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.06	477.280.555	19.914.560.422
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.07	(195.935.001)	(195.935.001)
IV. Hàng tồn kho	140	5.08	8.576.916.610	8.265.024.644
1. Hàng tồn kho	141		8.576.916.610	8.265.024.644
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		235.803.092	110.507.005
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.09	23.219.617	2.697.497
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		107.809.508	107.809.508
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		104.773.967	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		547.213.346.260	528.268.843.672
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.163.543.182	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.06	19.163.543.182	-
II. Tài sản cố định	220		1.270.853.104	1.467.697.606
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.270.853.104	1.467.697.606
- Nguyên giá	222		3.353.920.314	3.353.920.314
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(2.083.067.210)	(1.886.222.708)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		526.731.400.000	526.731.400.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.11	526.731.400.000	526.731.400.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		47.549.974	69.746.066
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.09	47.549.974	69.746.066
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		655.969.363.502	704.086.423.897

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.818.630.869	67.961.431.435
I. Nợ ngắn hạn	310		22.818.630.869	67.961.431.435
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	21.394.643.985	36.441.646.996
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	237.489.145	2.442.978.833
3. Phải trả người lao động	314		-	2.678.742.470
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	318.992.799	237.313.372
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15	-	25.352.956.051
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		867.504.940	807.793.713
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		633.150.732.633	636.124.992.462
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	633.150.732.633	636.124.992.462
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		573.128.000.000	573.128.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		573.128.000.000	573.128.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(286.000.000)	(286.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.213.427.769	10.213.427.769
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.095.304.864	53.069.564.693
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ	421a		52.830.853.466	29.138.614.578
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		(2.735.548.602)	23.930.950.115
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		655.969.363.502	704.086.423.897

Người lập biểu



Nguyễn Đức Lưu

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Lưu

Lập ngày 28 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lý Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	3.801.877.761	180.868.390.102
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.02	3.801.877.761	180.868.390.102
4. Giá vốn hàng bán	11	6.03	2.292.569.207	150.559.570.189
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.509.308.554	30.308.819.913
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.04	2.490.125.156	2.054.185.583
7. Chi phí tài chính	22	6.05	449.502.596	3.184.438.675
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		449.502.596	3.184.438.675
8. Chi phí bán hàng	25	6.06	-	163.100.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.06	6.285.479.751	5.477.698.707
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.735.548.637)	23.537.768.114
11. Thu nhập khác	31		42	-
12. Chi phí khác	32		7	-
13. Lợi nhuận khác	40		35	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.735.548.602)	23.537.768.114
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.07	-	4.715.517.023
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(2.735.548.602)	18.822.251.091

Người lập biểu



Nguyễn Đức Lưu

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Lưu

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lý Tuấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.735.548.602)	23.537.768.114
2. Điều chỉnh cho các khoản			(1.843.778.058)	1.303.369.413
- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư	02		196.844.502	173.116.321
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.490.125.156)	(2.054.185.583)
- Chi phí lãi vay	06		449.502.596	3.184.438.675
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.579.326.660)	24.841.137.527
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		38.267.102.684	9.587.354.089
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(311.891.966)	(2.471.708.862)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(18.639.068.829)	(25.580.001.231)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.673.972	(4.435.414)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(449.502.596)	(3.184.438.675)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.315.260.880)	(3.058.093.335)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(179.000.000)	(135.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.794.725.725	(5.185.901)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(39.000.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		60.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.997.540.226	2.018.369.144
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23.997.540.226	2.018.369.144

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	113.489.192.165
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.352.956.051)	(102.430.421.782)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.352.956.051)	11.058.770.383
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		11.439.309.900	13.071.953.626
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.980.543.840	26.545.795.453
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		18.419.853.740	39.617.749.079

Người lập biểu



Nguyễn Đức Lưu

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Lưu

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lý Tuấn Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần BV Land là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 21/10/2008, đăng ký thay đổi lần 18 ngày 08/09/2022 với mã số doanh nghiệp là 0102983609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, đầu tư và kinh doanh bất động sản.**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản ;
- ✓ Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản (Điều 69 Luật kinh doanh bất động sản năm 2014; Điều 24 Thông tư 11/2015/TT-BXD);
- ✓ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: San lấp mặt bằng, lắp đặt điện, nước các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- ✓ Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình dân dụng, công nghiệp ;
- ✓ Đại lý môi giới, đấu giá hàng hóa.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty bao gồm trụ sở chính tại: Số 92 Phố Trúc Khê, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội và văn phòng giao dịch tại Tầng 4, tòa nhà Rivera Park, số 69 Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội. Công ty có 3 công ty con:

<i>Tên Công ty và địa chỉ</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty CP sản xuất thương mại dịch vụ Đồng Nai	Kinh doanh xe máy, cho thuê tài sản, kiot chợ	65,26%	65,26%	65,26%
Công ty CP BV Invest	Xây lắp, tư vấn thiết kế, kinh doanh nhà ở, văn phòng	75,29%	75,29%	75,29%
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ ARECA Việt Nam	Thi công xây dựng, cung cấp dịch vụ môi giới và quản lý chung cư.	79,95%	79,95%	79,95%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 45 người (tại ngày 01/01/2023 là: 52 người).

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữ niên độ là có thể so sánh được.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét, và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 06 tháng bắt đầu từ ngày 01/01/2023 và kết thúc ngày 30/6/2023.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Người sử dụng Báo cáo tài chính này nên đọc kết hợp với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ tài chính giữa niên độ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu doanh nghiệp nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là những công ty mà Công ty có quyền kiểm soát các chính sách về tài chính và hoạt động. Trên Bảng cân đối kế toán riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc mỗi kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.
Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.6 Hàng tồn kho**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng công trình cụ thể.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

4.7 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 08 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn 05 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 05 năm
- Tài sản khác 02 năm

4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản tiền vay được phản ánh theo giá gốc, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn của từng khoản vay. Các khoản vay có thời hạn trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay dài hạn. Các khoản vay có thời hạn trả nợ trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay ngắn hạn.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.14 Chi phí**Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn. Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của kỳ báo cáo.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***4.16 Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, trả thù lao Hội đồng Quản trị) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty đồng thời lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất

4.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

5.1 . Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	57.295.080	151.739.113
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	112.558.660	778.804.727
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	18.250.000.000	6.050.000.000
Cộng	18.419.853.740	6.980.543.840

5.2 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng (*)	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
Cộng	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000

(*) Bao gồm:	30/06/2023	01/01/2023
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - CN Sở Giao dịch (i)	-	60.000.000.000
Cộng	-	60.000.000.000

(i): Gồm 7 hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại NH Liên doanh Việt Nga - CN Sở Giao dịch với lãi suất 9,6%/năm, đã tất toán toàn bộ trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.3 . Phải thu khách hàng ngắn hạn	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Phải thu khách hàng	38.465.875.118	78.646.068.262
- Công ty Cổ phần xây dựng BALIMAS	35.127.670.108	61.659.979.693
- Công ty Cổ phần Đầu tư Rivera	3.273.420.010	16.921.303.569
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Quốc Tế	64.785.000	64.785.000
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	3.020.305.127	1.665.252.052
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ ARECA Việt Nam	214.500.000	421.200.000
- Công ty Cổ phần BV Invest	2.805.805.127	1.244.052.052
Cộng	41.486.180.245	80.311.320.314
5.4 . Trả trước người bán ngắn hạn	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán	755.918.001	431.559.001
- Công ty Cổ phần Du lịch và tiếp thị giao thông vận tải Việt Nam - Vietravel - CN Hà Nội	385.216.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Đông Dương	114.900.000	114.900.000
- Công ty Cổ phần chứng khoán quốc gia	110.000.000	110.000.000
- Công ty CP TM Và KD Chế biến Lâm sản Nam Hùng	80.000.000	80.000.000
- Khách hàng khác	65.802.001	126.659.001
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Cộng	755.918.001	431.559.001
5.5 . Phải thu về cho vay ngắn hạn	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty Cổ phần BV Invest (i)	9.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt (ii)	30.000.000.000	-
Cộng	39.000.000.000	-

(i) Khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 2004/2023/HĐVV/BVL-LLM ngày 20/04/2023 ký giữa Công ty Cổ phần BV Land (Bên cho vay) và Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Lilama (Bên vay - nay là Công ty Cổ phần BV Invest). Số tiền cho vay là 9.000.000.000 đồng, lãi suất 8%/năm, thời hạn cho vay 3 tháng, thời hạn trả lãi tại thời điểm trả nợ gốc, không có Tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản cho vay theo hợp đồng vay vốn số 0606-2023/BVL-BVG ngày 07/06/2023 ký giữa Công ty Cổ phần BV Land (Bên cho vay) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt (Bên vay). Số tiền cho vay là 31.000.000.000 đồng, lãi suất 5%/năm, thời hạn cho vay 3 tháng, thời hạn trả lãi tại thời điểm trả nợ gốc, không có Tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6 . Phải thu khác	30/06/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5.6.1 . Ngắn hạn	477.280.555	-	19.914.560.422	-
a. Phải thu khác	74.307.953	-	751.017.240	-
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	74.307.953	-	581.723.023	-
Tạm ứng	36.500.000	-	34.700.000	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	124.500.000	-	124.500.000	-
Phải thu khác	-	-	10.094.217	-
b. Phải thu khác là các bên liên quan	241.972.602	-	19.163.543.182	-
Công ty CPĐT và DV ARECA Việt Nam (i)	-	-	19.163.543.182	-
Công ty Cổ phần BV Invest (lãi cho vay)	140.054.794	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt (lãi cho vay)	101.917.808	-	-	-
5.6.2 . Dài hạn	19.163.543.182	-	-	-
a. Phải thu khác là các bên liên quan	19.163.543.182	-	-	-
Công ty CPĐT và DV ARECA Việt Nam (i)	19.163.543.182	-	-	-
Cộng	19.640.823.737	-	19.914.560.422	-

(i) Phần góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐĐT/2021 ngày 08/10/2021 giữa công ty CP Tập đoàn Bách Việt (BV Group), Công ty CP BV Land (BV Land), Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Areca Việt Nam (Areca) và Công ty CP Phát triển Hạ tầng TMG (TMG) về việc thành lập Liên danh nhà đầu tư để tham gia đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư của Dự án Khu đô thị mới phía Tây Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Theo đó, Areca sẽ là đại diện Liên danh tiến hành các thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án và sử dụng con dấu của Areca để giao dịch; trong đó tổng vốn đầu tư của dự án sẽ được xác định trên cơ sở quy hoạch 1/500 được phê duyệt; tỉ lệ vốn góp của các bên như sau: Areca góp 32%; BV Group góp 17%; BV Land góp 31% và TMG góp 20% phần vốn góp của Chủ đầu tư, tỉ lệ vốn góp nêu trên sẽ được điều chỉnh theo số vốn góp thực tế của mỗi bên. Lợi nhuận được phân chia theo tỷ lệ vốn góp.

5.7 . Nợ xấu	30/06/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	195.935.001	(195.935.001)	195.935.001	(195.935.001)
+ Công ty CP Tư vấn xây dựng quốc tế	64.785.000	(64.785.000)	64.785.000	(64.785.000)
+ Công ty CP Thương mại và Kinh doanh chế biến lâm sản Nam Hùng	80.000.000	(80.000.000)	80.000.000	(80.000.000)
+ Công ty CP Xây dựng Khang Minh	51.150.001	(51.150.001)	51.150.001	(51.150.001)
Cộng	195.935.001	(195.935.001)	195.935.001	(195.935.001)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.8 . Hàng tồn kho	30/06/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:	8.576.916.610	-	8.265.024.644	-
+ Dự án Cải tạo và chỉnh trang Sông Cổ, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	1.453.096.196	-	1.453.096.196	-
+ Dự án: Khu nhà ở đô thị Thanh Ba tại thị trấn Thanh Ba và xã Đồng Xuân, huyện Thanh Ba	1.427.911.580	-	1.427.911.580	-
+ Dự án khu không gian văn hóa quan họ làng Khả Lý Thượng, xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	1.159.083.444	-	1.105.356.364	-
+ Dự án khu đô thị Đông Bắc thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	1.279.018.553	-	1.204.284.705	-
+ Dự án khu đô thị tại xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	1.378.573.410	-	1.268.781.629	-
+ Dự án khác	1.879.233.427	-	1.805.594.170	-
Cộng	8.576.916.610	-	8.265.024.644	-

5.9 . Chi phí trả trước	30/06/2023	01/01/2023
	a, Ngắn hạn	23.219.617
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	23.219.617	2.697.497
b, Dài hạn	47.549.974	69.746.066
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	47.549.974	69.746.066
Cộng	70.769.591	72.443.563

5.10 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Chi tiết tại phụ lục 01)

5.11 . Đầu tư vào Công ty con	30/06/2023			01/01/2023		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Đồng Nai (i)	121.759.800.000	-	-	121.759.800.000	-	-
+ Công ty Cổ phần BV Invest (ii)	325.021.600.000	-	-	325.021.600.000	-	-
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ ARECA Việt Nam (iii)	79.950.000.000	-	-	79.950.000.000	-	-
Cộng	526.731.400.000	-	-	526.731.400.000	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

(i) Tổng vốn góp của Công ty CP SXTMDV Đồng Nai (Donatraco) là 80 tỷ đồng, trong đó, Công ty Cổ phần BV Land sở hữu 65,26% với giá mua 121,7598 tỷ đồng. Ngành nghề kinh doanh chính của Donatraco kinh doanh thương mại (Đại lý của Honda) và dịch vụ (kinh doanh xe máy, cho thuê kiot tại các chợ Trung tâm của tỉnh Đồng Nai,...). Trong năm không phát sinh giao dịch giữa Công ty Cổ phần BV Land và Công ty Cổ phần Sản xuất thương mại dịch vụ Đồng Nai.

(ii) Tổng vốn góp của Công ty Cổ phần BV Invest (Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama) là 454.400.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần BV Land sở hữu 75,29% thông qua hình thức hoán đổi cổ phiếu theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2021/NQ/ĐHĐCĐ-BVL ngày 04/10/2021 và hợp đồng 02/2022/HĐHĐ/BVL-LLM ngày 05/01/2022, tương đương với giá trị 342.128.000.000 đồng. Theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2021/NQ/ĐHĐCĐ-BVL ngày 04/10/2021 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần; số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành 34.212.800 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu 10.000 đồng/cổ phiếu; cổ phiếu hoán đổi: Công ty Cổ phần BV Invest (Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama); tỉ lệ hoán đổi 1:1; đối tượng hoán đổi Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt 23.312.800 cổ phiếu, Hoàng Ngọc Minh 2.700.000 cổ phiếu, Nguyễn Văn Hưng 2.800.000 cổ phiếu, Nguyễn Thị Thu 1.900.000 cổ phiếu, Tạ Thu Thanh 1.700.000 cổ phiếu và Công ty Cổ phần TG Capital 1.800.000 cổ phiếu. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần BV Invest (Trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lilama) là Xây lắp, lắp đặt, tư vấn thiết kế, kinh doanh bất động sản. Cổ tức được chia từ lợi nhuận năm 2021 là 17.106.400.000 đồng, đã ghi giảm giá trị đầu tư tương ứng trong năm 2022. Giao dịch trọng yếu trong kỳ là phí quản lý bán hàng.

(iii) Tổng vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Areca Việt Nam là 100.000.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần BV Land sở hữu 79,95% với giá mua 10.000 đồng/cổ phiếu theo nghị quyết số 19/2022/NQ/HĐQT-BVL ngày 01/08/2022, theo đó Công ty Cổ phần BV Land sẽ nhận chuyển nhượng quyền mua 7.995.000 cổ phần của 5 tổ chức/cá nhân Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Areca Việt Nam (Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt 7.300.000 cổ phần, Nguyễn Vũ Thiện 400.000 cổ phần, Nguyễn Thị Thu Hải 200.000 cổ phần, Nguyễn Văn Hưng 80.000 cổ phần, Lưu Vũ Trường Đạm 15.000 cổ phần) với phí chuyển nhượng 0 đồng. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Areca Việt Nam là thi công xây dựng, cung cấp dịch vụ và quản lý chung cư. Các giao dịch trọng yếu trong kỳ là dịch vụ tư vấn quản lý dự án.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết thị trường cho các công cụ tài chính này, đồng thời Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5.12 . Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	20.993.243.985	20.993.243.985	36.441.646.996	36.441.646.996
- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Thịnh Cường	12.881.938.134	12.881.938.134	17.752.725.289	17.752.725.289
- Công ty CP thương mại xây lắp Gia Lộc	834.221.453	834.221.453	7.146.155.610	7.146.155.610
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Kinh Bắc	1.545.004.603	1.545.004.603	4.045.004.603	4.045.004.603
- Công ty TNHH Đại Hồng Phúc	411.676.372	411.676.372	411.676.372	411.676.372
- Công ty Cổ phần TG Capital	8.057.090	8.057.090	8.057.090	8.057.090
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	5.312.346.333	5.312.346.333	7.078.028.032	7.078.028.032
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	401.400.000	401.400.000	-	-
- Công ty Cổ phần BV asset	401.400.000	401.400.000	-	-
Cộng	21.394.643.985	21.394.643.985	36.441.646.996	36.441.646.996

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.13 . Thuế và các khoản phải thu/phải nộp nhà nước**

	30/06/2023		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/khấu trừ trong kỳ	01/01/2023	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	216.936.092	384.071.144	1.361.407.923	-	1.194.272.871
Thuế thu nhập doanh nghiệp	104.773.967	-	-	1.315.260.880	-	1.210.486.913
Thuế thu nhập cá nhân	-	20.553.053	234.997.922	252.663.918	-	38.219.049
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	104.773.967	237.489.145	622.069.066	2.932.332.721	-	2.442.978.833

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 . Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	274.099.649	207.303.649
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	25.683.427	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:	19.209.723	30.009.723
+ <i>Phải trả phải nộp khác</i>	19.209.723	30.009.723
Cộng	318.992.799	237.313.372

5.15 . Vay và nợ thuế tài chính

	30/06/2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2023
	Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	-	-	25.352.956.051
a, Vay ngắn hạn	-	-	25.352.956.051	25.352.956.051
<i>Ngân hàng TMCP</i>				
<i>Vietcombank - CN</i>	-	-	2.739.957.891	2.739.957.891
<i>Thanh Xuân (1)</i>				
<i>Ngân hàng liên doanh</i>				
<i>Việt nga chi nhánh Sở</i>	-	-	22.612.998.160	22.612.998.160
<i>Giao dịch (2)</i>				
Số có khả năng trả nợ	-	-	-	25.352.956.051
a, Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	-	-	-	25.352.956.051

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:**

(1) Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2022/CTD/VCBTX-BVL ký ngày 03/08/2022 giữa ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân và Công ty CP BV Land, giới hạn cấp tín dụng là 25.000.000.000 đồng; mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn hiệu lực của giới hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực; Biện pháp bảo đảm của hợp đồng:

- Quyền sở hữu căn hộ chung cư số E1004- Tòa tháp Đông - Indochina Plaza Hà Nội, số 241 Xuân Thủy, phường Dịch vọng hậu, quận Cầu Giấy theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 208937 do sở tài nguyên Môi trường, thành phố Hà Nội cấp ngày 26/3/2015 cho bà Bùi Thị Thu Hằng và ông Triệu Quang Hiệp, đã sang tên cho ông Tạ Hoài Hạnh và Ngô Thu Hương ngày 29/5/2015 theo hồ sơ số 000124.CN.001

- Thế chấp tài sản là Quyền sở hữu căn hộ chung cư số P2103- tầng 21, nhà ở tiêu chuẩn kết hợp Văn phòng và dịch vụ 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, tp Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 472979 mang tên ông Tạ Hoài Hạnh

- Thế chấp tài sản là quyền tài sản phát sinh từ các Hợp đồng do ngân hàng tài trợ theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng số 01-QĐN/VCBTX-BVL được lập ngày 01/12/2021 giữa cty cổ phần BV Land và Ngân Hàng, các hợp đồng sửa đổi bổ sung (nếu có).

Lãi suất được quy định cụ thể trong từng hợp đồng vay. Khoản vay đã được tất toán trong kỳ.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 22.HM.141660/HĐTD- SGD ngày 16/8/2022 giữa ngân hàng liên doanh Việt nga chi nhánh Sở giao dịch và Công ty Cổ phần BV Land, hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng; mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; Biện pháp bảo đảm: Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 21.03.141660/HĐCC-SGD ngày 25/6/2021 và văn bản sửa đổi bổ sung ngày 25/07/2022, Hợp đồng cầm cố tiền gửi 21.04.141660/HĐCC-SGD ngày 25/10/2021, Hợp đồng thế chấp số 22.01.141660/HĐTC-SGD và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo Hợp đồng. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Khoản vay đã được tất toán trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu**5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 01/01/2022	231.000.000.000	-	3.250.444.066	36.309.965.568	270.560.409.634
Tăng vốn trong kỳ	342.128.000.000	-	6.962.983.703	23.930.950.115	373.021.933.818
Lãi trong kỳ	-	-	-	23.930.950.115	23.930.950.115
Trích các quỹ	-	-	6.962.983.703	-	6.962.983.703
Tăng vốn trong kỳ	342.128.000.000	-	-	-	342.128.000.000
Giảm vốn trong kỳ	-	(286.000.000)	-	(7.171.350.990)	(7.457.350.990)
Phân phối các quỹ	-	-	-	(7.171.350.990)	(7.171.350.990)
Giảm khác	-	(286.000.000)	-	-	(286.000.000)
Số dư 31/12/2022	573.128.000.000	(286.000.000)	10.213.427.769	53.069.564.693	636.124.992.462

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.16.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp)

Số dư 01/01/2023	573.128.000.000	(286.000.000)	10.213.427.769	53.069.564.693	636.124.992.462
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	(2.735.548.602)	(2.735.548.602)
Lãi trong kỳ	-	-	-	(2.735.548.602)	(2.735.548.602)
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	238.711.227	238.711.227
Phân phối các quỹ	-	-	-	238.711.227	238.711.227
Số dư 30/06/2023	573.128.000.000	(286.000.000)	10.213.427.769	50.095.304.864	633.150.732.633

5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	364.428.000.000	364.428.000.000
Công ty CP BV Asset	42.200.000.000	42.200.000.000
Công ty CP TG Capital	18.000.000.000	18.000.000.000
Các cổ đông khác	148.500.000.000	148.500.000.000
Cộng	573.128.000.000	573.128.000.000

5.16.3. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	573.128.000.000	231.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	342.128.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	573.128.000.000	573.128.000.000

5.16.4. Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.312.800	57.312.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	57.312.800	57.312.800
- Cổ phiếu phổ thông	57.312.800	57.312.800
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.312.800	57.312.800
- Cổ phiếu phổ thông	57.312.800	57.312.800
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KQKD RIÊNG**

Đơn vị tính: Đồng

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
6.1 . Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hoạt động xây lắp	-	176.258.639.807
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.801.877.761	4.609.750.295
Cộng	3.801.877.761	180.868.390.102
6.2 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu thuần hoạt động xây lắp	-	176.258.639.807
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	3.801.877.761	4.609.750.295
Cộng	3.801.877.761	180.868.390.102
6.3 . Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hoạt động xây lắp	-	149.806.641.967
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.292.569.207	752.928.222
Cộng	2.292.569.207	150.559.570.189
6.4 . Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.490.125.156	2.054.185.583
Cộng	2.490.125.156	2.054.185.583
6.5 . Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	449.502.596	3.184.438.675
Cộng	449.502.596	3.184.438.675
6.6 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.285.479.751	5.477.698.707
- Chi phí nhân viên quản lý	4.657.866.744	3.043.892.271
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	145.334.130	173.116.321
- Thuế, phí và lệ phí	3.142.450	3.612.303
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.252.260.732	1.886.818.954
- Chi phí bằng tiền khác	226.875.695	370.258.858
b) Chi phí bán hàng	-	163.100.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	163.100.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.7 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
a. Lợi nhuận trước thuế	(2.735.548.602)	23.537.768.114
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	38.430.000	39.817.000
- Các khoản điều chỉnh tăng	38.430.000	39.817.000
+ Chi phí không được trừ	38.430.000	39.817.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	(2.697.118.602)	23.577.585.114
d. Thuế TNDN ={(c)* (20%)}	-	4.715.517.023
6.8 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	89.898.385.123
Chi phí nhân công	6.949.354.406	5.126.029.700
Chi phí khấu hao tài sản cố định	196.844.502	173.116.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.253.342.277	61.424.627.660
Chi phí khác bằng tiền	490.399.739	2.049.918.954
Cộng	8.889.940.924	158.672.077.758

7 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

7.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***7.3 . Thông tin về các bên liên quan****7.3.1 Danh sách các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	Chủ sở hữu
Công ty Cổ phần TG Capital	Cổ đồng
Công ty Cổ phần BV Asset	Cổ đồng
Công ty Cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Đồng Nai	Công ty con
Công ty Cổ phần BV Invest (trước là Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Lilama)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ ARECA Việt Nam	Công ty con

7.3.2 Trong kỳ, Công ty phát sinh các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan như sau:

<u>TT</u>	<u>Các bên liên quan</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Kỳ này</u>
a, Phải thu khách hàng			
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ ARECA Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	429.000.000
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ ARECA Việt Nam	Thanh toán công nợ	635.700.000
3	Công ty Cổ phần BV Invest	Cung cấp dịch vụ	3.753.065.538
4	Công ty Cổ phần BV Invest	Thanh toán công nợ	2.191.312.463
b, Phải thu về cho vay			
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	Cho vay	31.000.000.000
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	Thu hồi tiền cho vay	1.000.000.000
3	Công ty Cổ phần BV Invest	Cho vay	9.000.000.000
c, Phải thu khác			
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	Lãi cho vay	101.917.808
2	Công ty Cổ phần BV Invest	Lãi cho vay	142.027.397
d, Phải trả người bán			
1	Công ty Cổ phần BV Asset	Mua hàng hóa, dịch vụ	801.840.000
2	Công ty Cổ phần BV Asset	Thanh toán công nợ	400.440.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***7.3.3 Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:**

TT	Các bên liên quan	30/06/2023	01/01/2023
a, Phải thu của khách hàng			
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ ARECA Việt Nam	214.500.000	421.200.000
2	Công ty Cổ phần BV Invest	2.805.805.127	1.244.052.052
	Cộng	3.020.305.127	1.665.252.052
b, Phải thu về cho vay			
1	Công ty Cổ phần BV Invest	9.000.000.000	-
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	30.000.000.000	-
	Cộng	39.000.000.000	-
c, Phải thu khác			
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ ARECA Việt Nam	-	19.163.543.182
2	Công ty Cổ phần BV Invest	140.054.794	-
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Bách Việt	101.917.808	-
	Cộng	241.972.602	19.163.543.182
d, Phải trả người bán			
1	Công ty Cổ phần BV Asset	401.400.000	-
	Cộng	401.400.000	-

7.3.4 Giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị trong kỳ:

TT	Bộ phận	Thu nhập
1	Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị	925.112.353
	- Ông Lý Tuấn Anh	631.427.909
	- Ông Nguyễn Vũ Thiện	293.684.444
	Cộng	925.112.353

7.4 . Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7.5 . Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2023

Người lập



Nguyễn Đức Lưu

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Lưu

Tổng Giám đốc



The stamp is red and circular, containing the text "CÔNG TY CỔ PHẦN BV LAND" around the top edge, "BVland" in the center with a red logo, and "M.S.D.N: 010298360" around the bottom edge. A blue handwritten signature is written over the stamp.

Lý Tuấn Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***Phụ lục 01: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ						
Số dư 01/01/2023		150.000.000	2.302.943.337	547.711.977	353.265.000	3.353.920.314
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư 30/6/2023	-	150.000.000	2.302.943.337	547.711.977	353.265.000	3.353.920.314
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư 01/01/2023		150.000.000	1.428.669.141	267.844.192	39.709.375	1.886.222.708
Số tăng trong kỳ	-	-	57.017.880	99.161.622	40.665.000	196.844.502
- Khấu hao trong kỳ	-	-	57.017.880	99.161.622	40.665.000	196.844.502
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư 30/6/2023	-	150.000.000	1.485.687.021	367.005.814	80.374.375	2.083.067.210
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	-	-	874.274.196	279.867.785	313.555.625	1.467.697.606
Tại ngày 30/6/2023	-	-	817.256.316	180.706.163	272.890.625	1.270.853.104

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 30/06/2023 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.495.193.978 đồng